TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/LĐ-PT
Ngày: 08 - 5 - 2025
V/v "*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Cao Văn Tám

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ức Minh Thanh Thuý, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Hà Văn Hừng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động phúc thẩm thụ lý số 03/2025/TLPT-LĐ ngày 14/02/2025 về việc "*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*";

Do Bản án lao động sơ thẩm số 1904/2023/LĐ-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1952/2025/QĐ-PT ngày 28/02/2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Thúy N,** sinh năm 1977. Địa chỉ: Số B, đường L, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: **Công ty TNHH A**. Địa chỉ: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà **Yeo Chai Y (Y)**. Quốc tịch: Singapore. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà **Ngô Thị Xuyến L**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số A, đường P, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 18 tháng 3 năm 2021 do Công ty TNHH A lập). (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2011, nguyên đơn trình bày: Tháng 6/2010, nguyên đơn thỏa thuận hợp đồng thử việc với bị đơn, địa chỉ: Số C, đường T, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay bị đơn đã chuyển về địa chỉ: Số B, đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong hợp đồng thử việc ghi thời hạn thử việc là 06 tháng, nguyên đơn đã báo cho bị đơn biết theo quy định của P, với trình độ chuyên môn của nguyên đơn thì thời gian thử việc tối đa là 02 tháng, sau 02 tháng thì bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho nguyên đơn. Phía bị đơn đã đồng ý tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho nguyên đơn từ tháng 8/2010, nhưng hợp đồng thử việc thì bị đơn vẫn bắt buộc theo mẫu của bị đơn.

Đến tháng 8/2010, bị đơn đã ký kết hợp đồng lao động với nguyên đơn với mục đích tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, sau đó bị đơn thu hồi lại, và hẹn sẽ tham khảo ý kiến của công ty mẹ là Công ty A1 tại Singapore (sau đây gọi là Công ty A2) rồi sau đó sẽ làm hợp đồng cho nguyên đơn. Nhưng cho tới nay bị đơn vẫn chưa có Hợp đồng lao động cho nguyên đơn.

Tới ngày 16/02/2011, bị đơn thông báo đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động vào ngày 16/3/2011, mặc dù nguyên đơn đang làm việc tại bị đơn được 09 tháng và đang mang thai. Với trách nhiệm của một Kế toán trưởng, nguyên đơn có tư vấn với bị đơn cách hợp tình hợp lý, trong trường hợp bị đơn không muốn ký tiếp hợp đồng lao động thì có thể làm hợp đồng lao động 01 năm, chờ khi hết hạn thì không ký tiếp hợp đồng nữa, và trong tháng 05/2011 nguyên đơn sẽ sinh con và bị đơn sẽ không phải thanh toán lương trong thời gian nghỉ thai sản; nhưng ông NG Say G (Giám đốc công ty) không đồng ý.

Trong Quyết định thôi việc mà bị đơn ký cũng không nêu rõ loại hợp đồng mà hai bên đã ký kết, chỉ ghi ngày bắt đầu làm việc là 19/6/2010 và ngày kết thúc là 16/03/2011. Nguyên đơn khẳng định hợp đồng của nguyên đơn đã ký vào tháng 8/2010 là hợp đồng không xác định thời hạn. Vị trí công việc là Kế toán trưởng, mức lương là 33.301.667đồng/tháng (chưa trừ các khoản thuế, bảo hiểm và các chi phí khác). Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đúng theo quy định pháp luật lao động, cụ thể yêu cầu bị đơn bồi thường các khoản tiền như sau:

(i) Trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 17/03/2011 tạm tính đến ngày 16/7/2023 (12 năm + 04 tháng = 148 tháng) số tiền là: 148 x 33.301.667đồng= 4.928.646.716đồng;

(ii) Đối với yêu cầu bồi thường chấm dứt hợp đồng lao động 03 tháng lương, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương là 33.301.667đồng x 02 = 66.603.334đồng;

(iii) Chi trả trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật là 1/2 x 33.3013667đồng = 16.650.834đồng;

(iv) Lãi do chậm thanh toán tiền trợ cấp thai sản (do lỗi của bị đơn chậm chốt sổ bảo hiểm xã hội) là 5.405.400đồng.

Nguyên đơn đã nhận được một phần tiền thi hành án của Bản án số 277/2014/LĐ-PT ngày 04/3/2014 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bởi vì thời điểm đó nguyên đơn cần tiền khám, chữa bệnh cho con ruột của nguyên đơn bị tự kỷ. Tổng cộng số tiền đã nhận được là 149.258.737đồng (bao gồm mục (iv) và một phần của mục (i), (ii), (iii) trên phần yêu cầu). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại của mục (i), (ii), (iii) trên phần yêu cầu tạm tính đến ngày 16/7/2023 là 4.868.306.284đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm tám mươi bốn đồng*) cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. (Căn cứ hợp đồng lao động thực tế nguyên đơn đã ký với bị đơn chỉ có ngày bắt đầu và không ghi ngày kết thúc, cũng như thỏa thuận khi phỏng vấn và khi nhận việc với bị đơn, bị đơn cũng đã xác định khi ký hợp đồng lao động với nguyên đơn là loại hợp đồng không thời hạn).

Đối với yêu cầu của bị đơn triệu tập các cá nhân ông Chung Siok K, bà Ella N1 và Công ty A2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn nhận thấy việc này là không cần thiết, vì thực tế nguyên đơn làm việc và ký hợp đồng lao động trực tiếp với bị đơn. Bị đơn đã đăng ký cũng như đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thuế thu nhập cá nhân cho nguyên đơn theo đúng quy định của pháp luật lao động. Vì thế bản chất của công việc đã thể hiện rõ việc nguyên đơn giao kết hợp đồng và làm việc với bị đơn. Bên cạnh đó, quyết định thôi việc nguyên đơn nhận được do ông NG Say G ký. Phía bị đơn không đưa ra được lý do hợp pháp để đưa những người ở Singapore vào cùng tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên nguyên đơn hoàn toàn không đồng ý.

Bị đơn có người đại diện theo uỷ quyền là bà Ngô Thị Xuyến L trình bày: Tháng 6/2010, nguyên đơn thỏa thuận làm việc với Công ty A2 với tổng mức lương là 28.500.000đồng/tháng, thời gian thử việc là 06 tháng. Nguyên đơn bắt đầu làm việc từ ngày 19/6/2010 và tiền lương do Công ty A2 chi trả. Trong quá trình làm việc, nguyên đơn đã không tuân thủ các cam kết, liên tục vi phạm kỷ luật lao động

và không hoàn thành nhiệm vụ, nên ngày 16/02/2011 Công ty đã gửi thư chấm dứt việc làm đối với nguyên đơn kể từ ngày 16/3/2011.

Đến ngày 02/12/2011, nguyên đơn có đơn khởi kiện bị đơn gửi đến Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu:

(i) Chốt sổ bảo hiểm xã hội, giải quyết chế độ thai sản;

(ii) Bồi thường tiền lương những ngày không được làm việc;

(iii) Chi trả trợ cấp thất nghiệp (trợ cấp thôi việc) 1/2 tháng lương;

(iv) Bồi thường chấm dứt hợp đồng lao động 03 tháng lương;

(v) Tiền lãi các khoản lương, lãi trợ cấp thai sản do chậm nhận tiền, số tiền yêu cầu bị đơn chi trả tổng cộng là 641.544.389đồng dù bị đơn và nguyên đơn không có hợp đồng lao động. Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn thụ lý giải quyết và xét xử sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 04/03/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử và ban hành bản án lao động phúc thẩm, yêu cầu bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 121.305.000đồng và nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ ngày 17/03 đến ngày 18/8/2011. Ngày 30/03/2017, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định Giám đốc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý toàn bộ bởi các lý do:

Thứ nhất, việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn là không có căn cứ bởi lẽ nguyên đơn thỏa thuận chế độ làm việc, mức lương… với Công ty A2. Đồng thời, tiền lương của nguyên đơn cũng là do Công ty A2 chi trả, quyết định sa thải cũng do Công ty A2 ban hành cho nguyên đơn, bị đơn không hề liên quan đến thỏa thuận giữa Công ty A2 và nguyên đơn.

Thứ hai, quá trình xử lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã kéo dài qua nhiều năm với nhiều cấp xét xử. Sau khi có Bản án phúc thẩm số 277/2014/LĐ-PT ngày 04/3/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn đã có đơn yêu cầu thi hành án và đã nhận tiền thi hành án. Tuy nhiên sau đó nguyên đơn lại tiếp tục có đơn đề nghị xem xét lại bản án lao động phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm. Có thể thấy, nguyên đơn đã đồng ý với bản án phúc thẩm thông qua việc yêu cầu và nhận tiền thi hành án. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn tiếp tục khởi kiện vì biết rõ việc khởi kiện này không phải chịu án phí, đây là thái độ lợi dụng pháp luật

để làm phiền các cơ quan tiến hành tố tụng, gây lãng phí thời gian và tài nguyên của các cơ quan khác như bảo hiểm xã hội, thuế, thi hành án. Bên cạnh đó, việc khởi kiện của nguyên đơn gây ảnh hưởng tiêu cực tới bị đơn vì phải tiêu tốn thời gian, nhân lực và ngân sách của bị đơn để tham gia vụ kiện dù bị đơn không liên quan và không có mối quan hệ lao động trực tiếp với nguyên đơn như đã nêu.

Đối với việc đề nghị triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để tham gia tố tụng. Qua quá trình giải quyết vụ án với hai lần xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, cùng với phiên họp Giám đốc thẩm nhưng cho đến nay Tòa án nhân dân các cấp vẫn chưa thể làm rõ các vấn để theo yêu cầu của Quyết định Giám đốc thẩm số 02/2017/LĐ-GĐT ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

(i) Không xác định được loại Hợp đồng lao động mà các bên tranh chấp là hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm hay không xác định thời hạn. Từ đó không có cơ sở để tính toán việc bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

(ii) Nguyên đơn vào làm việc theo Thư mời làm việc ngày 01/6/2010 do ông Cheng Siok K1 – Phó Chủ tịch cấp cao của Công ty A2 ký (Bút lục số 166), Thư chấm dứt việc làm đối với nguyên đơn ngày 16/02/2011 do bà Ella N1 – Giám đốc cao cấp tài chính, nhân sự và hành chính của Công ty A2 ký tên và đóng dấu (Bút lục số 114). Cả hai tài liệu nêu trên đều không do người đại diện theo pháp luật của bị đơn ban hành mà do đại diện Công ty A2 thực hiện. Trong khi đó, bị đơn có người đại diện theo pháp luật là ông Ng Say G, quốc tịch Singapore thể hiện tại tài liệu là Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000462 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 10/8/2009 (các Bút lục số 77, 78, 79, 80). Ngoài ra, trong thời gian nguyên đơn làm việc, tiền lương của nguyên đơn cũng do Công ty A2 chi trả và chuyển khoản trực tiếp cho nguyên đơn.

Theo các tài liệu, chứng cứ nêu trên, bị đơn nhận thấy nguyên đơn có thỏa thuận chế độ làm việc, mức lương... với Công ty A2, tiền lương của nguyên đơn do Công ty A2 trực tiếp chi trả, quyết định sa thải cũng do người đại diện của Công ty A3 ban hành. Do đó, Công ty A2 có liên quan trực tiếp đến tranh chấp này, thậm chí có thể là đối tượng bị khởi kiện chứ không phải bị đơn.

Như vậy, nhằm làm rõ các vấn đề của Quyết định Giám đốc thẩm số 02/2017/LĐ-GĐT ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đặt ra để giải quyết vụ án, bị đơn đề nghị Tòa án triệu tập và đưa những tổ

chức, cá nhân sau tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để tham gia tố tụng:

Công ty A4 Ltd. Địa chỉ: A A #24-07 I (079903), Singapore.

Ông **Cheng Sioh K2** - Phó Chủ tịch cấp cao của Công ty A4 Ltd. Địa chỉ: A A #24-07 I (079903), Singapore.

Bà **Ella N1** - Giám đốc cao cấp tài chính, nhân sự và hành chính của Công ty A4 Ltd. Địa chỉ: A A #24-07 I (079903), Singapore.

Tại phiên tòa ngày 12/9/2023, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, hai bên đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử công khai bản chụp Hợp đồng lao động đề ngày 01/8/2010 do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời cho tiến hành đối chất tại phiên tòa, nhưng người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không thừa nhận Hợp đồng lao động ngày 01/8/2010 do nguyên đơn cung cấp với lý do không có bản chính, nội dung ghi loại hợp đồng không xác định thời hạn là không đúng với bản chất sự việc. Bị đơn không bao giờ ký ngay lần đầu loại hợp đồng này cho bất cứ nhân viên nào. Nguyên đơn là người giữ toàn bộ các Hợp đồng lao động của toàn bộ nhân viên của bị đơn để thực hiện việc chi lương và làm các khoản bảo hiểm xã hội, nên nguyên đơn nêu có ký Hợp đồng và bị thu lại là không đúng. Bị đơn xác định chưa ký hợp đồng lao động chính thức với nguyên đơn.

Nguyên đơn nêu lý do không có bản chính của hợp đồng là khi ký Hợp đồng lao động với bị đơn nhưng chưa thỏa thuận được các chi phí khám nha khoa, nên ông Say G nói chỉ ký 01 bản hợp đồng không xác định thời hạn để tham gia bảo hiểm xã hội, thoả thuận với nguyên đơn khi nào sẽ có phụ lục và đưa lại cùng với bản chính của Hợp đồng.

Nguyên đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đến ngày 12/9/2023 và cũng đồng ý chấm dứt Hợp đồng lao động kể từ ngày 12/9/2023, không yêu cầu bị đơn nhận nguyên đơn trở lại làm việc. Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trong thời gian nguyên đơn đang mang thai. Hợp đồng lao động đã ký với nguyên đơn là hợp đồng không xác định thời hạn, theo bản chụp cung cấp cho Tòa án. Tiền lương làm căn cứ cho yêu cầu bồi thường là mức lương trước thuế bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 33.301.667đồng/tháng.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 1904/2023/LĐ-ST ngày 25/9/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 32, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 27, Điều 29, Điều 39, Điều 42 và Điều 90 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Án lệ số 20/2018/AL về xác lập quan hệ hợp đồng lao động sau khi hết thời gian thử việc. Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện cầu nguyên đơn, hủy Quyết định thôi việc ngày 16/3/2011 của Công ty A đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn trái pháp luật. Buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn theo hợp đồng lao động có thời hạn 12 (*mười hai*) tháng (Từ ngày 19/8/2010 đến ngày 18/8/2011).

- Bồi thường tiền lương trong những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 17/03/2011 đến ngày 09/5/2011 (từ ngày 10/5/2011 đến ngày 18/8/2011, được bảo hiểm xã hội chi trả) 28.500.000 (đồng/tháng) x 47 (ngày) = 44.650.000đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật là 28.500.000 (đồng/tháng) x 02 (tháng) = 57.000.000đồng (*Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu đồng*).

- Trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật (do thời điểm này nguyên đơn không được đóng bảo hiểm thất nghiệp) là 1/2 (tháng) x 28.500.000 (đồng/tháng) = 14.250.000đồng (*Bằng chữ: Mười bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Lãi do chậm thanh toán tiền trợ cấp thai sản (do lỗi của bị đơn chậm chốt sổ bảo hiểm xã hội) là 5.405.400đồng (*Bằng chữ: Năm triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm đồng*).

Tổng số tiền phải bồi thường là 121.305.400đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm đồng*).

- Bị đơn có nghĩa vụ nộp bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn tại Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền và nộp thuế thu nhập cá nhân cho nguyên đơn theo thỏa

thuận tại Thư mời làm việc, từ ngày 17/3/2011 đến ngày 18/8/2011 theo quy định pháp luật.

Ghi nhận hai bên đương sự đã thực hiện xong các khoản tiền nêu trên (bao gồm tiền bảo hiểm xã hội và thuế thu nhập cá nhân) với tổng số tiền là 149.258.737đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng*) theo Phiếu chi số PC2016/1680 ngày 06/4/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn bồi thường từ ngày 19/8/2011 đến 12/9/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 06/10/2023, nguyên đơn bà Ngô Thị Thúy N có đơn kháng cáo một phần bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm xác định hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng không thời hạn, không phải 12 tháng như bản án sơ thẩm xác định. Việc án sơ thẩm áp dụng án lệ là không phù hợp vì giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng lao động.

Ngày 10 tháng 10 năm 2023, bị đơn Công ty A, có đơn kháng cáo, đề nghị huỷ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Sau khi phân tích nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bà Ngô Thị Thúy N có yêu cầu xét xử vắng nên Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với bị đơn được tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 vẫn không có mặt nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Ngô Thị Thúy N vào làm việc tại Công ty A từ ngày 16/7/2010 đến ngày 16/3/2011, bị đơn có quyết định thôi việc với nguyên đơn là có xảy ra trên thực tế. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn với lý do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trong thời gian nguyên đơn mang thai là trái pháp luật nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường tiền lương trong những ngày không được

làm việc đến ngày 12/9/2023, do hai bên ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn (không yêu cầu bị đơn nhận làm việc trở lại và đồng ý chấp dứt hợp đồng lao động từ ngày 12/9/2023), tiền lương làm căn cứ cho yêu cầu bồi thường là tiền lương gộp gồm thuế và các khoản bảo hiểm 33.301.667 đồng và các khoản khác. Bị đơn không đồng ý với lý do bị đơn không ký Hợp đồng lao động với nguyên đơn. Tuy nhiên, hai bên đương sự đã thực hiện xong các khoản tiền theo bản án số 277/2014/LĐ-PT ngày 04/3/2014 (bao gồm tiền bảo hiểm xã hội và thuế thu nhập cá nhân) với tổng số tiền là 149.258.737 đồng theo Phiếu chi số PC2016/1680 ngày 06/4/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bản án nêu trên bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo trình tự giám đốc thẩm và đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và phúc thẩm giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm thụ lý lại theo thủ tục chung là có diễn ra trên thực tế.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng xác định hợp đồng lao động của nguyên đơn và bị đơn là không thời hạn để tính lại số tiền phải bồi thường, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vụ án được đưa ra xét xử nhiều lần, nguyên đơn không cung cấp được bản chính của hợp đồng lao động trong khi bị đơn xác định bị đơn không ký hợp đồng lao động với nguyên đơn nên bản án sơ thẩm xác định loại Hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn là 12 tháng là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp căn cứ làm thay đổi nội dung vụ án nên không được chấp nhận mà chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty A; Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị Thúy N và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1904/2023/LĐ-ST ngầy 25/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 32, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 27, Điều 29, Điều 39, Điều 42 và Điều 90 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Án lệ số 20/2018/AL về xác lập quan hệ hợp đồng lao động sau khi hết thời gian thử việc. Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông

qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện cầu nguyên đơn, hủy Quyết định thôi việc ngày 16/3/2011 của Công ty A đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn trái pháp luật. Buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn theo hợp đồng lao động có thời hạn 12 (*mười hai*) tháng (Từ ngày 19/8/2010 đến ngày 18/8/2011).

- Bồi thường tiền lương trong những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 17/03/2011 đến ngày 09/5/2011 (từ ngày 10/5/2011 đến ngày 18/8/2011, được bảo hiểm xã hội chi trả) 28.500.000 (đồng/tháng) x 47 (ngày) = 44.650.000đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật là 28.500.000 (đồng/tháng) x 02 (tháng) = 57.000.000đồng (*Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu đồng*).

- Trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật (do thời điểm này nguyên đơn không được đóng bảo hiểm thất nghiệp) là 1/2 (tháng) x 28.500.000 (đồng/tháng) = 14.250.000đồng (*Bằng chữ: Mười bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Lãi do chậm thanh toán tiền trợ cấp thai sản (do lỗi của bị đơn chậm chốt sổ bảo hiểm xã hội) là 5.405.400đồng (*Bằng chữ: Năm triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm đồng*).

Tổng số tiền phải bồi thường là 121.305.400đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm đồng*).

- Bị đơn có nghĩa vụ nộp bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn tại Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền và nộp thuế thu nhập cá nhân cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại Thư mời làm việc, từ ngày 17/3/2011 đến ngày 18/8/2011 theo quy định pháp luật.

Ghi nhận hai bên đương sự đã thực hiện xong các khoản tiền nêu trên (bao gồm tiền bảo hiểm xã hội và thuế thu nhập cá nhân) với tổng số tiền là 149.258.737đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm năm mươi*

tám nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng) theo Phiếu chi số PC2016/1680 ngày 06/4/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn bồi thường từ ngày 19/8/2011 đến 12/9/2023.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí lao động. Bị đơn phải chịu án phí lao động là 3.639.162 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng*). Ghi nhận bị đơn đã thực hiện xong án phí lao động sơ thẩm.

3.2. Về án phúc thẩm: Công ty A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tại biên lai số 0031783 ngày 30/01/2024 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT, UMTT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Tám